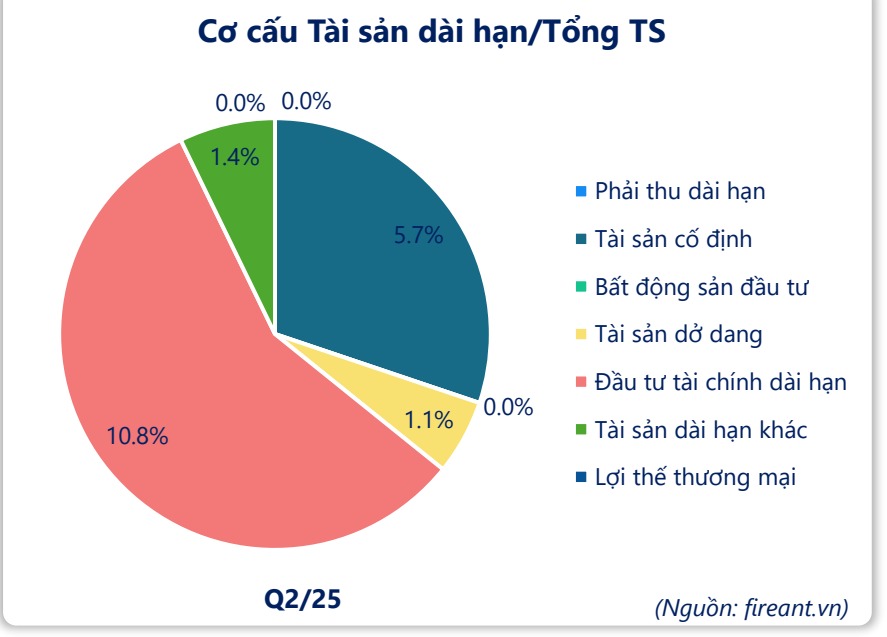
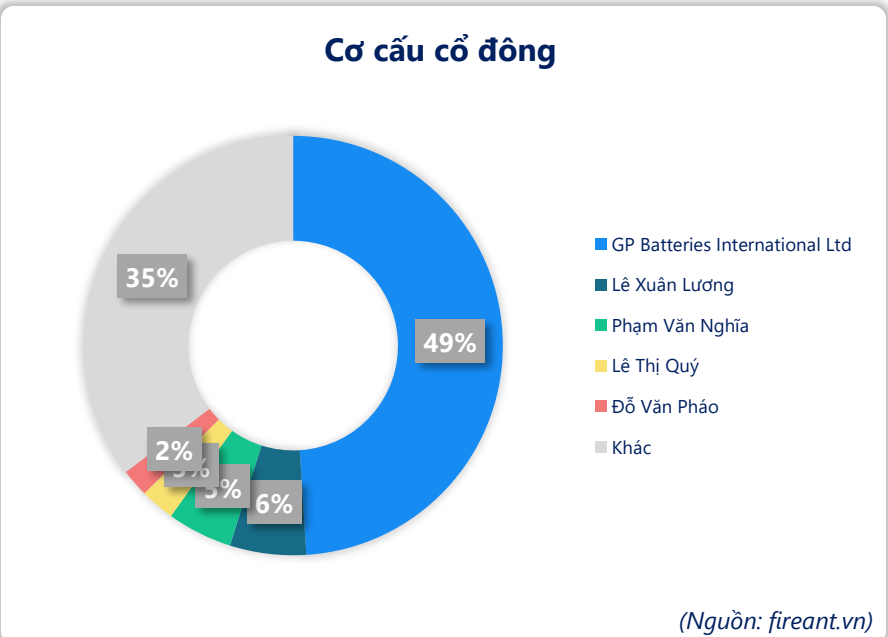
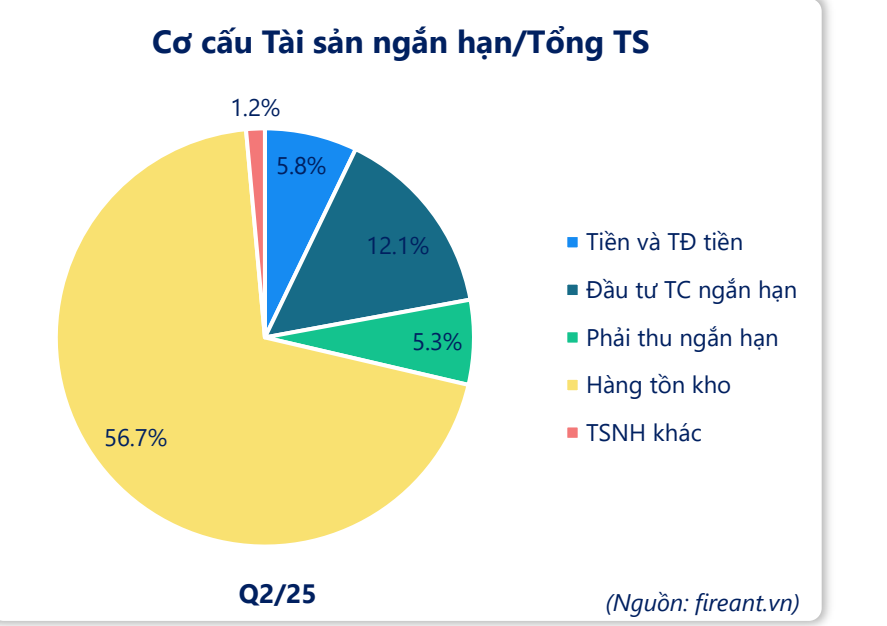
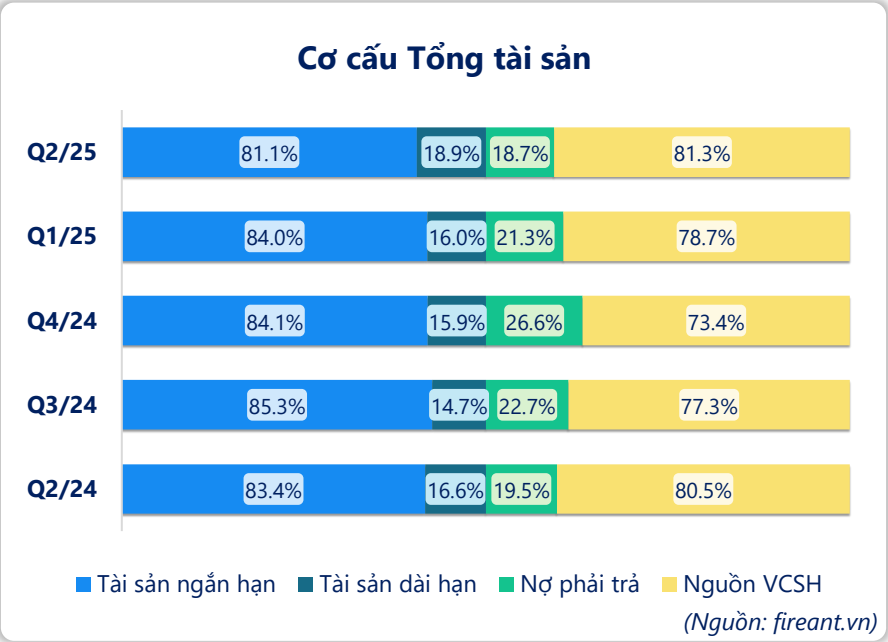
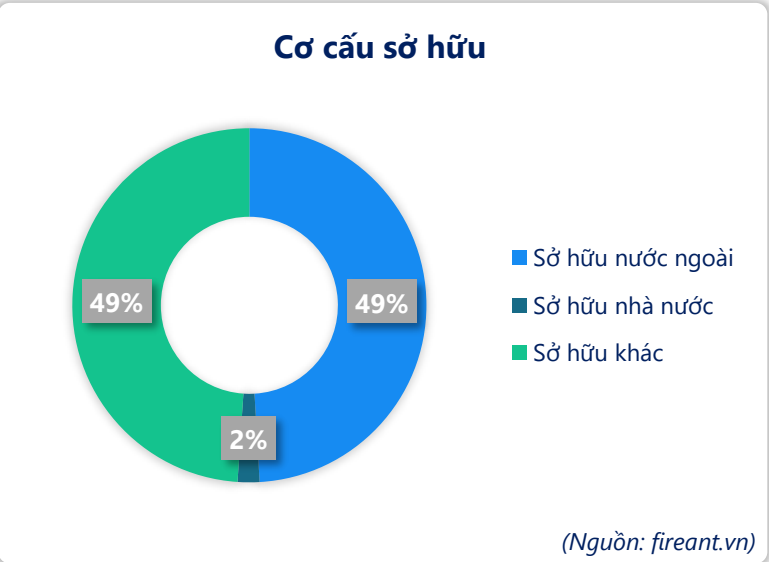
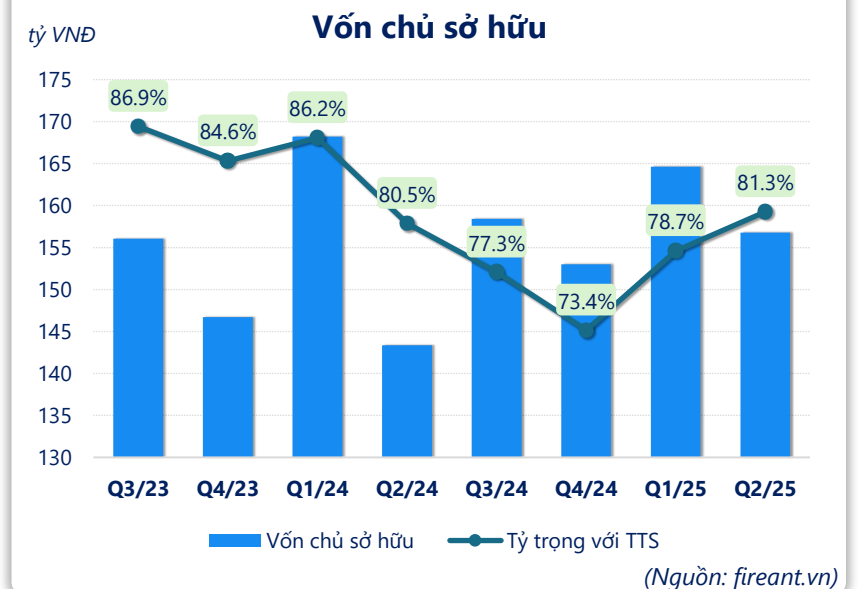
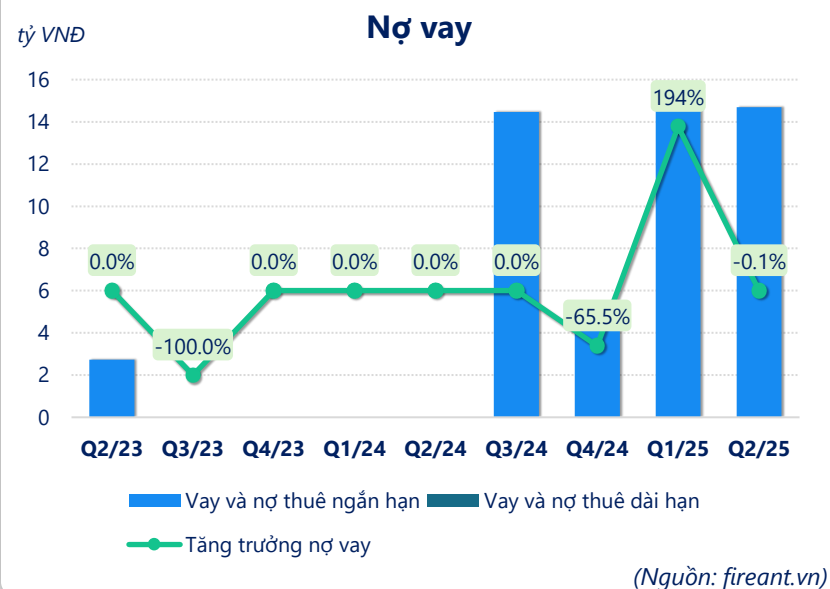
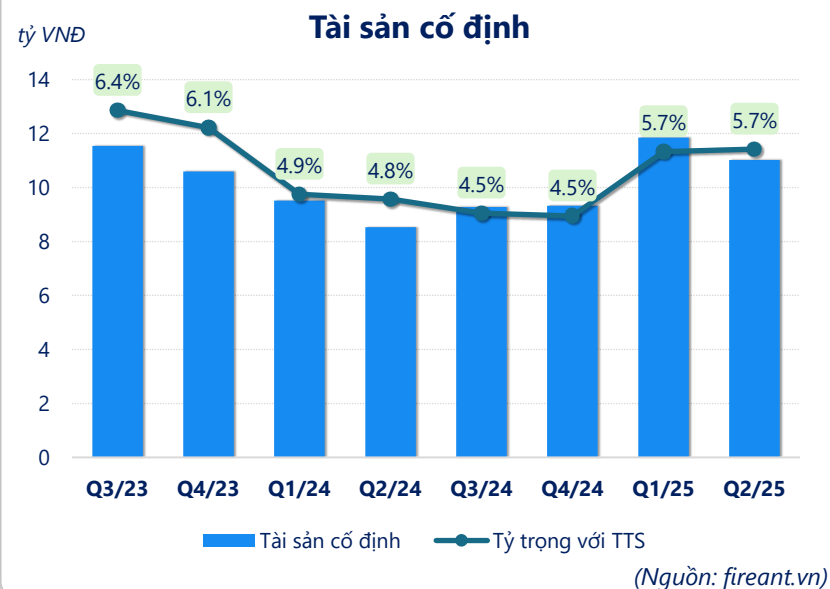
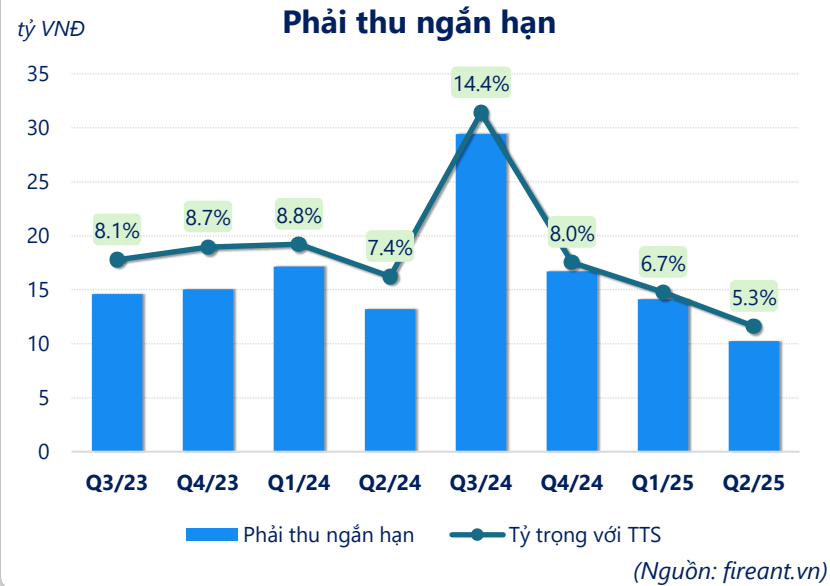
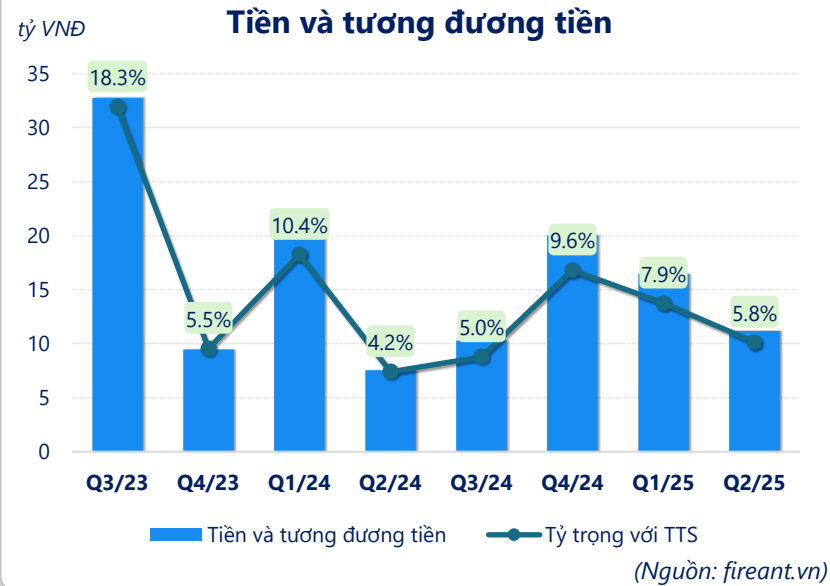
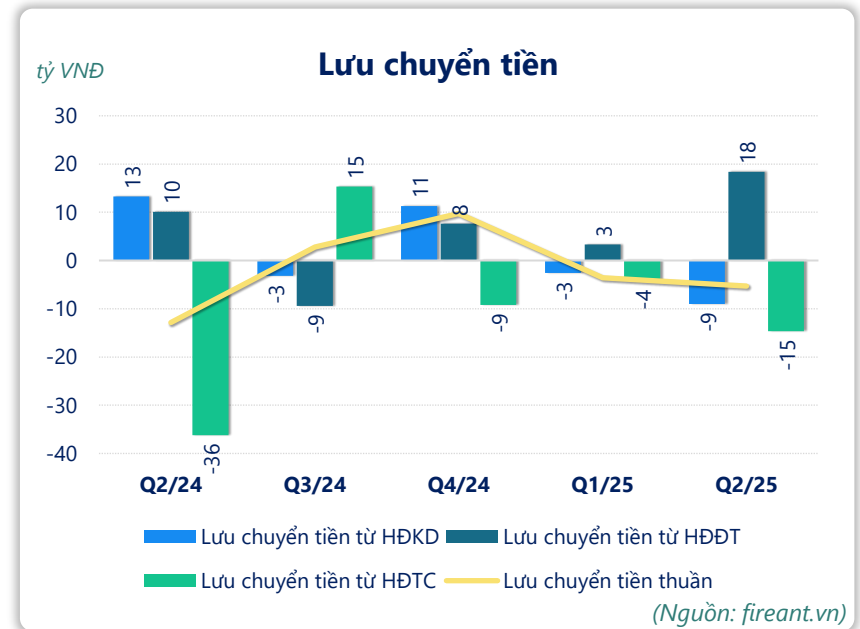
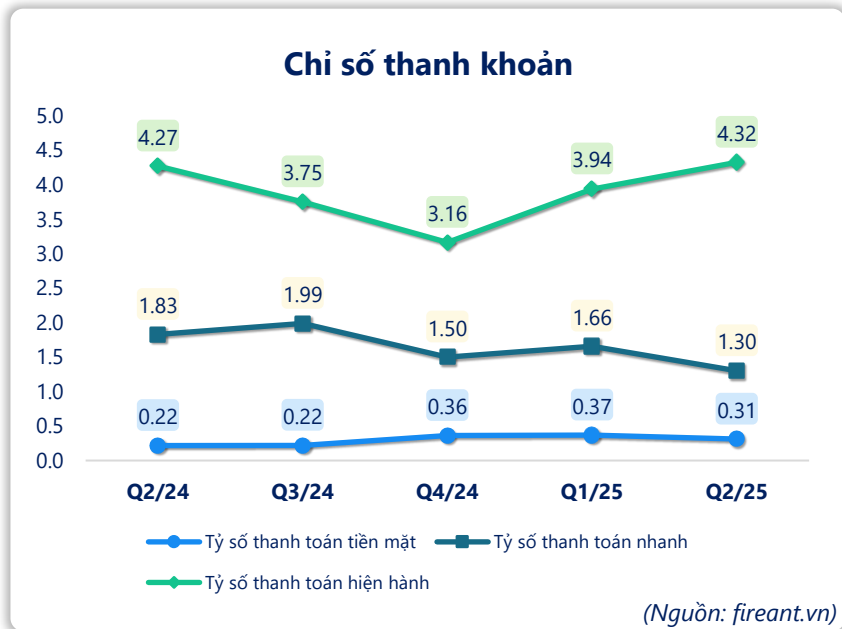
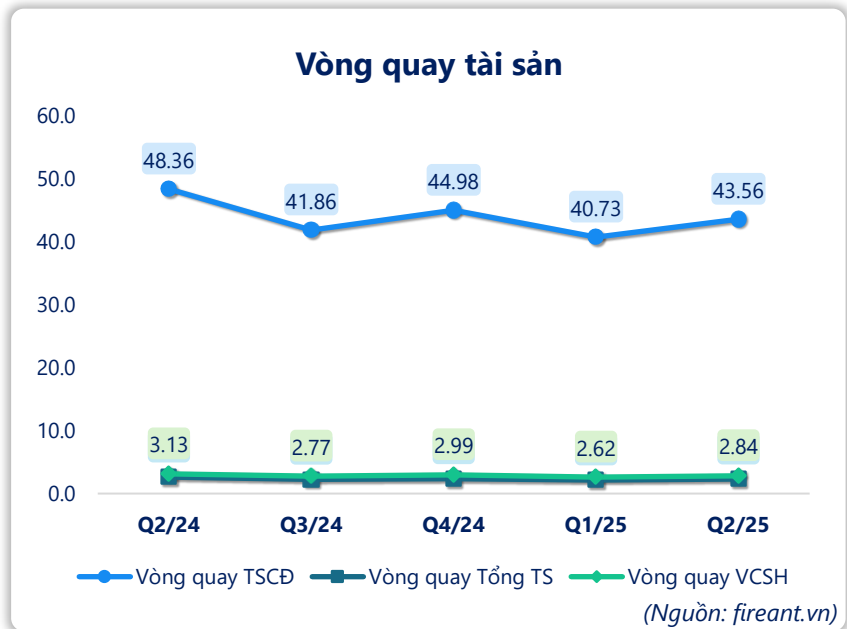
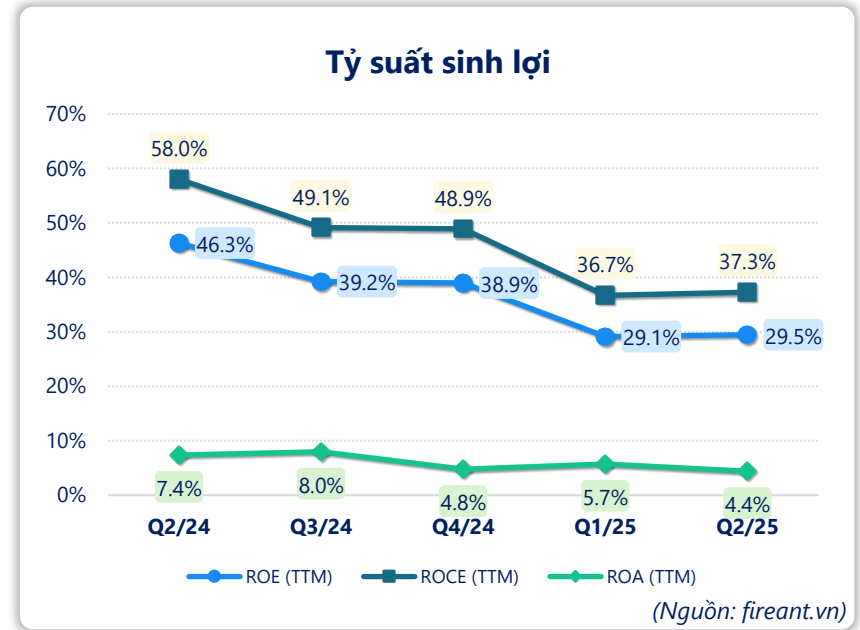
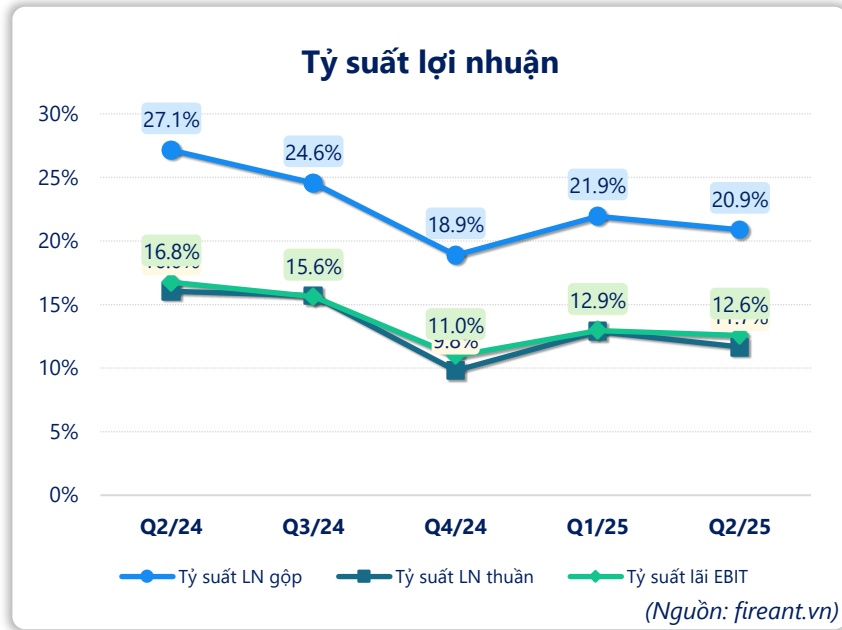
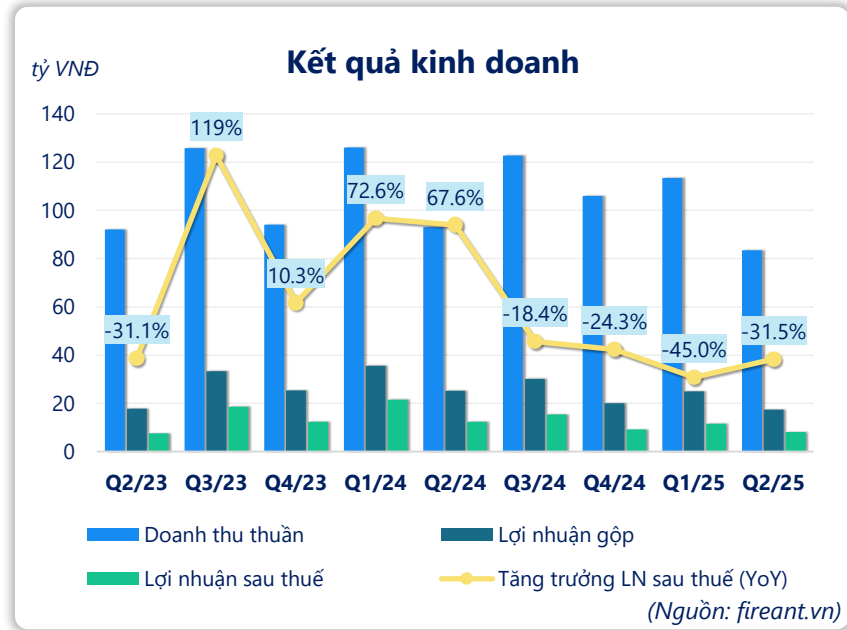


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		70,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		91,029
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		62,417
SL cổ phiếu LH		7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		49.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		508
P/E		11.5
EPS		6,098

	YTD	1T	3T	6T
PHN	-8.9%	0.0%	-1.6%	-8.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	193	208	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	156	175	-10.7%
Tiền và tương đương tiền	11.2	20.0	-44.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.4	44.0	-46.8%
Phải thu ngắn hạn	10.2	16.7	-38.7%
Hàng tồn kho	109	92.1	18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.26	2.44	-7.4%
Tài sản dài hạn	36.5	33.1	10.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.0	9.32	18.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.05	2.76	-25.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.8	19.4	7.6%
Tài sản dài hạn khác	2.63	1.71	53.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.2	55.4	-34.7%
Nợ ngắn hạn	36.2	55.4	-34.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.7	4.99	194%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.61	13.5	-58.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	153	2.5%
Vốn chủ sở hữu	157	153	2.5%
Vốn điều lệ	72.5	72.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	93.0	123	106	113	83.5
Giá vốn hàng bán	67.8	92.6	86.0	88.6	66.0
Lợi nhuận gộp	25.3	30.1	20.0	24.9	17.4
Doanh thu HĐTC	0.78	0.74	1.39	0.87	0.79
Chi phí TC	2.04	2.69	2.60	2.71	0.81
Chi phí lãi vay	0	0	0.10	0.09	0.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.34	3.47	2.93	3.29	2.78
Chi phí QLDN	5.72	5.43	5.49	5.18	4.90
LN thuần từ HĐKD	14.9	19.3	10.4	14.6	9.74
Lợi nhuận khác	0.66	-0.09	1.12	0.00	0.60
LN trước thuế	15.6	19.2	11.5	14.6	10.3
Lợi nhuận sau thuế	12.4	15.3	9.11	11.6	8.16
LNST của CĐ cty mẹ	12.4	15.3	9.11	11.6	8.16

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.3	-3.21	11.3	-2.60	-9.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.1	-9.38	7.66	3.30	18.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.2	15.4	-9.18	-4.27	-14.6
Tiền đầu kỳ	20.4	7.54	10.3	20.0	16.5
Lưu chuyển tiền thuần	-12.9	2.76	9.74	-3.57	-5.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.01	-0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	7.54	10.3	20.0	16.5	11.2

(Nguồn: fireant.vn)